

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 08/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường, lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1396/TTr-STNMT ngày 30/3/2023 và ý kiến của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 33/BC-VPUB ngày 06/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, niêm yết, công khai thực hiện.

2. Thực hiện rà soát Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

- Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 11/04/2017 và Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các thủ tục hành chính Mục III - Lĩnh vực Tài nguyên nước tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP); (b/c)
- Chủ tịch, PCT Lê Huyền;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT. CNTT (Sở CNTT);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, TTPVHCC. CT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG;
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIỮ NGUYÊN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển, nước dưới đất	- Đối với hồ sơ đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Đối với hồ sơ đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/03/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	Trả lại giấy phép	10 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không quy định	-Nhu trên-
3	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	36 ngày làm việc	-Nhu trên-	Theo quy định của UBND tỉnh	-Nhu trên-
4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	31 ngày làm việc.	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước	36 ngày làm việc.	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm				
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	31 ngày làm việc.	- Như trên -	-Như trên-	-Như trên-
7	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 02m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 02m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 03 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 05m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000m ³ /ngày đêm.	36 ngày làm việc.	- Như trên -	-Như trên-	-Như trên-
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 20 triệu m ³ trở lên; hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 02m ³ /giây trở lên và có dung tích toàn bộ từ 03 triệu m ³ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước khác	31 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Như trên -	-Như trên-	-Như trên-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng khai thác từ 05m ³ /giờ trở lên; phát điện với công suất lắp máy 2.000kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000m ³ /ngày đêm trở lên; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng từ 1.000.000m ³ /ngày đêm				
9	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với thủ tục cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước dưới đất: 16 ngày làm việc. - Đối với thủ tục cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, nước biển: 16 ngày làm việc. 	- Như trên -	-Như trên-	-Như trên-
10	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh (TTHC cấp tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh: 40 ngày làm việc. - Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh: 67 ngày làm việc. 	- Như trên -	Không quy định	- Như trên -
11	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	21 ngày làm việc.	- Như trên -	Theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
12	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	16 ngày làm việc.	- Như trên -	-Như trên-	-Như trên-
13	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	11 ngày làm việc.	- Như trên -	-Như trên-	Quyết định số 1877/QĐ-BTNMT ngày 04/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
14	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Không quy định	Quyết định số 706/QĐ- BTNMT ngày 15/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
15	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Như trên -	Không quy định	-Như trên-
16	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Như trên-	Không quy định	-Như trên-
17	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mọc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Như trên-	Không quy định	Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN					
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân huyện	Không quy định	Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	- Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư. - Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư.	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	